

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000684

Trang : 1/1

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh) (228126) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

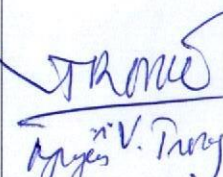
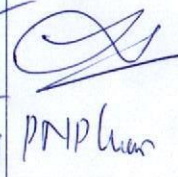
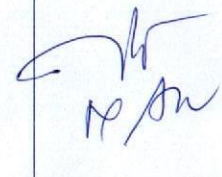
Giờ: **14:45**

Phòng thi: **B106**

Số SV có mặt: 08.....

Số bài thi: 08.....

Số tờ giấy thi: 08.....

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn V. Trung	Cán bộ coi thi 2  PNPham	G.Viên chấm thi 1  N.T. Phat	G.Viên chấm thi 2  N.T. Phat
--	---	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180020	LÊ NGỌC ĐẠT	12/10/2003	CCQ2118LA		139		6,7	6,3	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121180076	LÊ TRỌNG HÙNG	22/02/2003	CCQ2118LA				0,0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121180045	NGUYỄN THÀNH LUÂN	13/06/2003	CCQ2118LA		364		6,3	7,3	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121180025	NGUYỄN LÊ HOÀI NAM	28/08/2003	CCQ2118LA		457		7,0	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121180066	TRẦN THANH NHÀN	19/08/2003	CCQ2118LA		139		6,7	7,8	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121180041	NGUYỄN MINH NHẤT	19/10/2003	CCQ2118LA		298		7,2	5,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121180074	TRẦN TRỌNG SANG	04/02/2003	CCQ2118LA		364		6,3	6,0	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121180070	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	01/04/2003	CCQ2118LA				0,0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121180065	ĐÀO VĂN THOẠI	12/11/2002	CCQ2118LA		139		6,3	5,8	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121180078	VÕ MINH TRỌNG	09/06/2003	CCQ2118LA		298		7,0	8,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000683

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh) (228126) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **001**

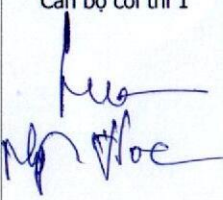
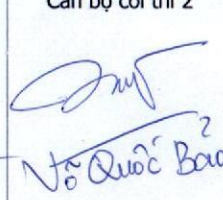
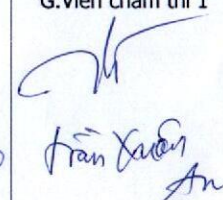
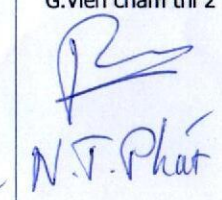
Ngày thi: **10/04/2023** Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-27**

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180092	HỒ SĨ AN	27/03/2003	CCQ2118C		139		6,6	6,8	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121150056	LÊ AN CƯ	26/01/2002	CCQ2118B		298		6,5	7,7	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121180083	PHẠM PHƯỚC DỰ	27/10/2003	CCQ2118C		364		6,7	7,7	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121170222	DƯƠNG QUỐC ĐẠT	06/01/2003	CCQ2118C		157		6,4	6,7	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121180107	DƯƠNG VĨNH HÀO	30/04/2003	CCQ2118C		139		5,8	7,7	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121180106	TRẦN ĐÌNH HÀO	11/08/2002	CCQ2118C		298		6,3	8,0	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121180061	LƯU HOÀI HIẾU	20/09/2003	CCQ2118B		364		6,4	4,7	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121180053	NGUYỄN HUỲNH MINH HIẾU	27/01/2003	CCQ2118B		298		6,3	7,0	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121180096	NGUYỄN THANH HOÀNG	02/10/2003	CCQ2118C		139		6,7	7,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121180101	DỤNG MINH HUY	15/06/2003	CCQ2118C		457		6,3	7,2	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121180072	HUỲNH TRÚC KHOANG	25/05/2003	CCQ2118C		364		6,4	6,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121180063	LÊ TRUNG KIẾN	23/12/2003	CCQ2118B		298		4,3	4,0	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121180055	NGUYỄN TẤN KIẾT	04/10/2003	CCQ2118B		139		5,0	6,8	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121180104	HOÀNG ĐÌNH LẠNG	15/11/2003	CCQ2118C		457		6,9	5,3	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121180058	PHAN NHẬT LINH	27/04/2003	CCQ2118B		364		6,2	6,7	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121180042	LÊ CÔNG LUẬN	06/02/2003	CCQ2118B		457		5,9	6,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121180049	HÀ THANH NAM	10/11/2003	CCQ2118B		139		5,6	6,7	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121180047	LÊ CÔNG NGHĨA	01/04/2003	CCQ2118B				0,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121180039	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	04/03/2003	CCQ2118B		364		6,8	6,2	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121180057	NGUYỄN NGÔ NHẬT PHI	24/10/2003	CCQ2118B		457		5,8	6,2	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000683

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Nhiệt lạnh) (228126) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

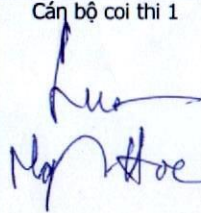
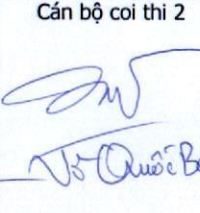
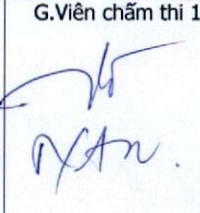
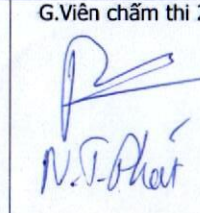
Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D5-27**

Số SV có mặt: 35....

Số bài thi: 35....

Số tờ giấy thi: 35....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180086	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	27/03/2003	CCQ2118C		139		6,2	5,2	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121180097	TRẦN KHÁNH QUANG	03/05/2003	CCQ2118C		457		5,5	4,7	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121180062	ĐOÀN NGUYỄN MINH QUYỀN	28/05/2003	CCQ2118B		364		5,2	5,2	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121180037	ĐẶNG THANH SƠN	06/02/2003	CCQ2118B		298		6,9	4,8	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121180040	LÊ TRUNG TÀI	29/04/2003	CCQ2118B		139		6,2	6,2	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121180052	ĐẶNG VĂN THIÊN	11/06/2002	CCQ2118B		457		6,6	7,8	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121180068	HUỖNH THỊNH	21/09/2003	CCQ2118B		364		6,3	7,7	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121180079	KIỀU QUỐC THỌ	24/06/2003	CCQ2118C		298		6,0	7,3	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B		139		7,8	8,3	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121180099	LÊ QUỐC TIẾN	06/08/2003	CCQ2118C		298		6,0	8,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121180105	LƯU MINH TRUNG	29/08/2003	CCQ2118C		364		6,6	7,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121180051	NGUYỄN TÀI TRUNG	16/08/1999	CCQ2118B		457		5,4	4,3	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121180060	PHAN QUỐC TÚ	19/05/2003	CCQ2118B		139		6,2	6,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121180077	NGUYỄN MINH TUYỀN	18/06/2003	CCQ2118C		298		6,3	7,3	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121180082	LƯƠNG HỒNG VI	19/04/2003	CCQ2118C		364		6,5	6,8	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121180081	DƯƠNG QUỐC VIỆT	01/06/2003	CCQ2118C		457		6,3	7,7	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9